

Bản án số: 65/2019/HS-ST  
Ngày 04-10-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Lan Phương

- **Thư ký phiên toà:** Bà Khương Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

**Đào Văn H**, sinh năm 1984 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân H và bà Bùi Thị T; có vợ là Nguyễn Thị S và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt);

*Bị hại:* Anh Lưu Văn B, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Công ty cổ phần T; địa chỉ: Km số 03, quốc lộ 02, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng H – Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng H: Ông Nguyễn Văn T – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần T (có mặt);

+ Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn S, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; trú tại: Thôn N, xã T, huyện L,

tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; trú tại: thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1986; trú tại: thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Chị Tạ Thị H, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

*Người làm chứng:*

+ Chị Trung Thành T, sinh năm 1986; trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

+ Chị Lưu Thị L, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1952; trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần T là đơn vị sản xuất bồn nước INOX, bình năng lượng mặt trời. Tháng 6/2016, Công ty ký hợp đồng với hộ gia đình anh Lưu Văn B có tên kinh doanh là Nhà phân phối B, địa chỉ tại Thôn V, xã T, huyện L – Vĩnh Phúc làm đại diện (Đại lý cấp 1) của Công ty cổ phần T để phân phối sản phẩm hàng hóa cho các Đại lý cấp 2, cùng những cá nhân có nhu cầu mua sản phẩm trên địa bàn huyện Lập Thạch và huyện Sông Lô. Hợp đồng hai bên quy định, sau khi Công ty cổ phần T xuất hàng hóa thông qua đơn hàng của Nhà phân phối B xong, Nhà phân phối B có trách nhiệm thu tiền về thanh toán lại cho Công ty và được hưởng theo tỷ lệ phần trăm chiết khấu trên doanh thu bán hàng của mình, Nhà phân phối B không thu được tiền thì phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần T.

Tháng 3/2017, Công ty cổ phần T nhận Đào Văn H vào làm nhân viên thử việc và đến ngày 01/5/2017 thì Công ty mới chính thức ký hợp đồng lao động với H, nhiệm vụ của H là nhân viên kinh doanh phát triển thị trường trên địa bàn huyện Lập Thạch và huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Hợp đồng quy định trách nhiệm của H là đi đến các Đại lý cấp 2 hay xem những khách hàng có yêu cầu mua hàng thì thông báo cho Nhà phân phối B biết để báo về Công ty xuất hàng, H không được trực tiếp thu tiền ở các Đại lý cấp 2 và khách hàng.

Trong thời gian tháng 6 - 7/2017, H đi tiếp thị kinh doanh trên địa bàn huyện Lập Thạch và huyện Sông Lô, H được sự tin tưởng của anh Lưu Văn B – đại diện Nhà phân phối B nhờ thu hộ tiền bán hàng tại Đại lý cấp 2 và cá nhân mua hàng. Cụ thể: H đã thu của anh Nguyễn Văn N chủ đại lý H N với số tiền 9.910.000 đồng; của anh Nguyễn Trọng N chủ đại lý H C số tiền 5.000.000 đồng; thu tiền trực tiếp của người mua hàng là anh Nguyễn Văn T số tiền là

9.900.000 đồng; chị Tạ Thị H (chồng tên là Th) số tiền 4.130.000 đồng, tổng số tiền H đã thu là 28.940.000 đồng. Sau khi thu được số tiền trên, H không nộp về cho Nhà phân phối B mà đã tự ý cầm chi tiêu cá nhân. Ngày 27/7/2017, khi anh B và người đại diện của Công ty cổ phần T làm việc với H thì H cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền 33.360.000 đồng cho anh B vào các ngày 10, 20/8/2017. Hết thời hạn thanh toán, do không có tiền nộp trả cho Nhà phân phối B nên H đã nghỉ làm việc ở Công ty T và bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh, H thay đổi sim điện thoại và cắt đứt liên lạc với mọi người nhằm mục đích để anh B cũng như người của Công ty cổ phần T không tìm thấy H để đòi tiền. Nhận được đơn trình báo của anh B và Công ty cổ phần T ngày 03/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lập Thạch đã nhiều lần xác minh nhưng không triệu tập được H để làm việc, gia đình H cũng xác nhận H đi khỏi địa phương và không biết rõ địa chỉ của H ở đâu, hết hạn Cơ quan điều tra phải ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tin báo. Ngày 23/5/2019, Công an huyện Lập Thạch triệu tập H đến làm việc, bản thân H đã khai nhận rõ hành vi chiếm đoạt số tiền 28.940.000 đồng của Nhà phân phối B để chi tiêu cá nhân dẫn đến mất khả năng thanh toán.

Đối với số tiền chênh lệch giữa số tiền H chiếm đoạt là 28.940.000 đồng và số tiền 33.360.000 đồng trong biên bản cam kết ngày 27/7/2017 là 4.420.000 đồng gồm tiền bán hàng 2.200.000 đồng tại Đại lý H L ở xã V- L và 2.220.000đ tại Đại lý H C ở xã X- L. Bản thân Đào Văn H xác định chưa được nhận số tiền này từ hai Đại lý, người đại diện cho Đại lý H L là anh Lê Mạnh H và anh Nguyễn Văn N đại diện cho Đại lý H C cũng khai nhận khi hai bên giao nhận tiền không viết giấy tờ gì, không có tài liệu chứng cứ chứng minh H đã chiếm đoạt số tiền trên, xác định số tiền 4.420.000 đồng là tranh chấp dân sự giữa các bên, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Đào Văn H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 28.940.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; đại diện Nhà phân phối B là anh Lưu Văn B xác nhận số tiền trên hiện vẫn đang nợ Công ty cổ phần T, anh Bắc và người đại diện Công ty cổ phần T đều đề nghị được trả lại số tiền 28.940.000đ cho Công ty cổ phần T.

Về dân sự: Đào Văn H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 28.940.000đ để bồi thường thiệt hại, đến nay anh Lưu Văn B là người đại diện Nhà phân phối B và Công ty cổ phần T không yêu cầu H phải bồi thường khoản tiền gì khác.

Bản Cáo trạng số 65/CT-VKS- KT ngày 03/9/2019, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đào Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Đào Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đào Văn H đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt: Đào Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách của án treo. Không phạt bổ sung.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại anh Lưu Văn B trình bày: Bị cáo H là nhân viên Công ty cổ phần T với nhiệm vụ đi tiếp thị kinh doanh, khi đó anh làm đại lý cấp 1 cho Công ty cổ phần T và có nhờ H đi thu tiền của các khách hàng. Nhưng sau khi thu được tiền của 02 đại lý và 02 cá nhân thì không trả lại cho anh. Nay bị cáo đã nộp 28.940.000 đồng khắc phục hậu quả, anh đề nghị trả lại số tiền mà bị cáo đã nộp cho Công ty cổ phần T. Anh không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo, anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đại diện Công ty cổ phần T trình bày: Hiện nay bị cáo H đã nộp 28.940.000 đồng tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả và ngày 04/9/2019 H đã trả cho công ty số tiền 4.420.000 đồng. Nay Công ty đề nghị trả lại số tiền 28.940.000 đồng cho công ty và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự đối với bị cáo H.

Bị cáo Đào Văn H nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình và đã nhận thấy hậu quả của hành vi do mình gây ra, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Đào Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định:

Đào Văn H là nhân viên kinh doanh phát triển thị trường cho Công ty cổ phần T tại địa bàn huyện Lập Thạch và huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong khoảng thời gian tháng 6-7/2017, anh Lưu Văn B là chủ hộ kinh doanh B (là đại

lý cấp 1 của Công ty cổ phần T) có nhờ Đào Văn H thu tiền bán hàng tại Đại lý cấp 2 và cá nhân mua hàng. Cụ thể: H đã thu của anh Nguyễn Trọng N (chủ đại lý H N) với số tiền 9.910.000 đồng; thu của anh Nguyễn Văn N (chủ Đại lý H C) số tiền 5.000.000 đồng; thu của anh Nguyễn Văn T 9.900.00 đồng; thu của chị Tạ Thị H 4.130.000 đồng; tổng số tiền H đã thu là 28.940.000đ. Sau khi thu được số tiền trên, H không nộp về cho anh Lưu Văn B mà đã tự ý chi tiêu cá nhân. Ngày 27/7/2017, khi anh Lưu Văn B và người đại diện của Công ty cổ phần T làm việc với H thì H cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trên cho anh Lưu Văn B vào các ngày 10, 20/8/2017. Hết thời hạn thanh toán H vẫn không thanh toán số tiền trên cho anh Lưu Văn B, H đã nghỉ làm việc ở Công ty cổ phần T và bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh, H thay đổi sim điện thoại và cắt đứt liên lạc với mọi người nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên.

Hành vi nhận được tài sản sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản do bị cáo Đào Văn H thực hiện đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

*“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

*a) Vay, mượn, ... hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi ... bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó”.*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo có khung hình phạt là từ 03 tháng đến 03 năm tù nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi nói trên của bị cáo có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 2 Điều 7 của Bộ Luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét áp dụng trách nhiệm hình sự theo hướng có lợi cho bị cáo và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo.

Xét tính chất của vụ án là ít trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đào Văn H lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân. Xét thấy bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà cho hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H đã nộp 28.940.000 đồng tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả và trả 4.420.000 đồng cho Công ty cổ phần T, nay anh Lưu Văn B và Công ty cổ phần T không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 28.940.000 đồng, bị cáo H nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, đây là số tiền bị cáo H chiếm đoạt của anh B, anh B vẫn chưa thanh toán số tiền hàng này cho Công ty cổ phần T và anh B đồng ý trả số tiền này cho Công ty cổ phần T. Nên trả lại số tiền trên cho Công ty cổ phần T.

[6]. Đối với số tiền chênh lệch giữa số tiền H chiếm đoạt là 28.940.000 đồng và số tiền 33.360.000 đồng trong biên bản cam kết ngày 27/7/2017 là 4.420.000 đồng gồm tiền bán hàng 2.200.000 đồng tại Đại lý H L ở xã V, huyện L và 2.220.000đ tại Đại lý H C ở xã X, huyện L. Bản thân Đào Văn H xác định chưa được nhận số tiền này từ hai Đại lý, người đại diện cho Đại lý H L là anh Lê Mạnh H và anh Nguyễn Văn N đại diện cho Đại lý H C cũng khai nhận khi hai bên giao nhận tiền không viết giấy tờ gì, không có tài liệu chứng cứ chứng minh H đã chiếm đoạt số tiền trên, xác định số tiền 4.420.000 đồng là tranh chấp dân sự giữa các bên, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Ngày 4/9/2019 H đã trả cho Công ty cổ phần T 4.420.000 đồng trên và đã được Công ty cổ phần T xác nhận nên cần chấp nhận.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Tuyên bố: bị cáo Đào Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đào Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đào Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại 28.940.000 đồng cho Công ty cổ phần T (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2019).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đào Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- CQĐT - Công an huyện Lập Thạch;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi Cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghĩa**